

Số: 270/2021/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2021 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Quan Thị B**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn*: Anh **Hoàng Trọng Đ**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Quan Thị B và anh Hoàng Trọng Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 23/10/2003 và Hoàng Ngọc C, sinh ngày 02/03/2012 cho chị Quan Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn. Anh Hoàng Trọng Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cả hai con chung, tổng số tiền cấp dưỡng là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, trong đó đối với Hoàng Trung H là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, đối với Hoàng Ngọc C là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn

đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trọng Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Quan Thị B và anh Hoàng Trọng Đ đều xác nhận vợ chồng có nhà và đất chung tại tổ 16, phường T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 918444, vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CS 03889 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019 nhưng đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về vay nợ: Chị Quan Thị B và anh Hoàng Trọng Đ đều xác nhận vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí của vụ án: Chị Quan Thị B tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị Bình đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001161 ngày 30/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, chị Quan Thị B được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Hoàng Trọng Đ phải chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường T;
- UBND xã Yên Hoa
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan